

Số: 04 /2021/TT-BTP

Hà Nội, ngày 21 tháng 6 năm 2021

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật và Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP

Căn cứ Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 96/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật;

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư hướng dẫn thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật và Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP.

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn việc thực hiện các hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật, bao gồm: xây dựng, ban hành kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật; kiểm tra công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật, kiểm tra tình hình thi hành pháp luật; điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật; thu thập, tiếp nhận, xử lý thông tin tình hình thi hành pháp luật; xem xét, đánh giá và xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật; báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật; phối hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong hệ thống cơ quan hành chính nhà nước và cộng tác viên theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

CHƯƠNG II

CÁC HOẠT ĐỘNG THEO DÕI TÌNH HÌNH THI HÀNH PHÁP LUẬT

Điều 3. Xây dựng, ban hành kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật

1. Căn cứ xây dựng, ban hành kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật

a) Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành do Thủ tướng Chính phủ ban hành

Căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội tại kỳ họp cuối năm về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của năm sau, kết quả hoạt động giám sát của Quốc hội, nội dung trả lời chất vấn của đại biểu Quốc hội, kiến nghị của cử tri trong năm đó và thực tiễn thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ đề xuất, xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành trước ngày 01 tháng 01 của năm kế hoạch.

b) Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật do các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ ban hành

Căn cứ kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành và thực tiễn thi hành pháp luật trong ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan ngang bộ, trong lĩnh vực được phân công của cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức pháp chế bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tham mưu cho Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của bộ, ngành trước ngày 30 tháng 01 của năm kế hoạch, gửi về Bộ Tư pháp để theo dõi, tổng hợp.

c) Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật do Ủy ban nhân dân các cấp ban hành

Căn cứ kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành và thực tiễn thi hành pháp luật trong phạm vi quản lý ở địa phương, Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của địa phương trước ngày 30 tháng 01 của năm kế hoạch, gửi về Bộ Tư pháp để theo dõi, tổng hợp.

Căn cứ kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp và thực tiễn thi hành pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của địa phương theo thời hạn quy định tại Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp, gửi về Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp để theo dõi tổng hợp.

2. Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Mục đích, yêu cầu;
- b) Lĩnh vực pháp luật theo dõi, đánh giá;
- c) Các hoạt động theo dõi thi hành pháp luật và tiến độ thực hiện;
- d) Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong việc thực hiện kế hoạch;
- đ) Kinh phí thực hiện kế hoạch.

Điều 4. Kiểm tra tình hình thi hành pháp luật

1. Phạm vi trách nhiệm kiểm tra

a) Bộ Tư pháp kiểm tra việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong phạm vi cả nước; kiểm tra tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành.

Cục Quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp thực hiện việc kiểm tra.

b) Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ kiểm tra việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật của các cơ quan, đơn vị trực thuộc; kiểm tra tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý của bộ, cơ quan ngang bộ, lĩnh vực được phân công của cơ quan thuộc Chính phủ.

Tổ chức pháp chế thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu, giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ kiểm tra việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

Các cơ quan, đơn vị thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tham mưu, giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ kiểm tra tình hình thi hành pháp luật trong phạm vi ngành, lĩnh vực được phân công.

c) Ủy ban nhân dân các cấp kiểm tra việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp, Ủy ban nhân dân cấp dưới trực tiếp; kiểm tra tình hình thi hành pháp luật thuộc phạm vi quản lý ở địa phương.

Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp chủ trì, phối hợp với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp kiểm tra việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật, kiểm tra tình hình thi hành pháp luật thuộc lĩnh vực trọng tâm, liên ngành ở địa phương.

Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp kiểm tra tình hình thi hành pháp luật thuộc phạm vi quản lý ở địa phương.

2. Nội dung kiểm tra tình hình thi hành pháp luật

a) Nội dung kiểm tra việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

b) Nội dung kiểm tra tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành và kiểm tra tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm của bộ, ngành, địa phương được thực hiện theo quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9 và Điều 10 của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

3. Tổ chức thực hiện kiểm tra

a) Căn cứ vào Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật hằng năm, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp thành lập các đoàn kiểm tra.

b) Quyết định thành lập đoàn kiểm tra bao gồm các nội dung cơ bản sau đây: ngày, tháng, năm ban hành quyết định; căn cứ ban hành quyết định; đối tượng kiểm tra; nội dung kiểm tra; họ, tên, chức vụ của Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn và các thành viên; quyền hạn và trách nhiệm của đoàn kiểm tra; quyền hạn và trách nhiệm của đối tượng được kiểm tra.

c) Quyết định thành lập đoàn kiểm tra phải được thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng được kiểm tra chậm nhất là 07 ngày làm việc trước ngày bắt đầu tiến hành kiểm tra. Trường hợp kiểm tra đột xuất, quyết định thành lập đoàn kiểm tra phải được gửi cho đối tượng được kiểm tra ngay sau khi quyết định được ban hành hoặc phải giao trực tiếp cho đối tượng được kiểm tra ngay khi tiến hành hoạt động kiểm tra.

d) Đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra các nội dung theo quy định tại quyết định thành lập đoàn kiểm tra, trường hợp cần thiết có thể kiểm tra thực tế, xác minh các thông tin, tài liệu, kết quả tình hình thi hành pháp luật để làm cơ sở kết luận các nội dung kiểm tra.

đ) Cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng được kiểm tra báo cáo bằng văn bản, cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung kiểm tra; giải

trình những vấn đề thuộc nội dung kiểm tra theo yêu cầu của đoàn kiểm tra. Đoàn kiểm tra xem xét, xác minh, kết luận về những vấn đề thuộc nội dung kiểm tra.

e) Chậm nhất 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Trưởng đoàn kiểm tra phải có văn bản thông báo kết luận kiểm tra gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân được kiểm tra.

g) Kết luận kiểm tra phải có các nội dung cơ bản sau đây: nhận xét, đánh giá về những kết quả đạt được; tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của tồn tại hạn chế trong thi hành pháp luật; kiến nghị thực hiện các biện pháp nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật; kiến nghị việc xem xét, xử lý trách nhiệm đối với sai phạm (nếu có) của cơ quan, đơn vị, người có thẩm quyền thi hành pháp luật.

Điều 5. Điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật

1. Điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật do bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp tiến hành để phục vụ việc xem xét, đánh giá tình hình thi hành pháp luật. Hoạt động điều tra, khảo sát được thực hiện theo kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật, khi có những khó khăn, vướng mắc, bất cập trong thực tiễn thi hành hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền.

2. Nội dung điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật được thực hiện theo quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9 và Điều 10 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP.

3. Đối tượng chủ yếu được điều tra, khảo sát

a) Tổ chức, cá nhân có liên quan trực tiếp đến việc thi hành pháp luật trong lĩnh vực được lựa chọn điều tra, khảo sát.

b) Các chuyên gia, nhà khoa học am hiểu về lĩnh vực được lựa chọn điều tra, khảo sát.

4. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện điều tra khảo sát thông qua phiếu khảo sát, hội thảo, tọa đàm, phỏng vấn trực tiếp và các hình thức phù hợp khác.

Căn cứ yêu cầu của việc xem xét, đánh giá tình hình thi hành pháp luật, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp huy động cộng tác viên tham gia hoạt động điều tra, khảo sát.

Điều 6. Thu thập, tiếp nhận, xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật

1. Thông tin về tình hình thi hành pháp luật bao gồm những thông tin có nội dung quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9 và Điều 10 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP.

2. Trách nhiệm thu thập, tiếp nhận, xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật

a) Bộ Tư pháp thu thập, tiếp nhận, xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật trên phạm vi cả nước.

b) Bộ, cơ quan ngang bộ thu thập, tiếp nhận, xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan ngang bộ.

Cơ quan thuộc Chính phủ thu thập, tiếp nhận, xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực được phân công.

c) Ủy ban nhân dân các cấp thu thập, tiếp nhận, xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật trong phạm vi quản lý ở địa phương.

3. Thông tin về tình hình thi hành pháp luật được thu thập, tiếp nhận từ các nguồn sau đây:

a) Báo cáo hành chính của cơ quan nhà nước;

b) Kết quả hoạt động kiểm tra, điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật;

c) Thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng;

d) Phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân;

đ) Các nguồn thông tin phù hợp khác theo quy định của pháp luật.

4. Tổ chức, cá nhân có thể cung cấp thông tin về tình hình thi hành pháp luật đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông qua các hình thức sau:

a) Gửi văn bản đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Trực tiếp tại trụ sở tiếp công dân;

c) Qua Cổng/Trang Thông tin điện tử của cơ quan nhà nước;

d) Qua số điện thoại của cơ quan nhà nước, đường dây nóng;

đ) Qua hòm thư điện tử;

e) Các hình thức cung cấp thông tin phù hợp khác.

5. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm nghiên cứu, phân tích, so sánh, đối chiếu và đánh giá thông tin về tình hình thi hành pháp luật thuộc thẩm quyền xử lý.

Trường hợp cần làm rõ tính chính xác, khách quan của thông tin đã được thu thập, tiếp nhận, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, giải trình bằng văn bản những vấn đề liên quan; tiến hành kiểm tra, xác minh thực tế (nếu thấy cần thiết).

Điều 7. Xem xét, đánh giá và xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật

1. Trên cơ sở kết quả thu thập thông tin, kết quả kiểm tra, điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật và các nguồn thông tin khác, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện việc xem xét, đánh giá

tình hình thi hành pháp luật và tổng hợp vào báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật hằng năm, gửi cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

2. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp tiến hành các hoạt động xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý theo các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định 59/2012/NĐ-CP, khoản 5 Điều 1 Nghị định số 32/2020/NĐ-CP.

Điều 8. Báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật

Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong các trường hợp sau đây:

1. Báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật định kỳ hàng năm.

Nội dung báo cáo theo mẫu quy định tại Phụ lục I kèm theo Thông tư này.

2. Báo cáo tình hình xử lý kiến nghị sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật.

Nội dung báo cáo theo mẫu quy định tại Phụ lục II kèm theo Thông tư này.

3. Báo cáo đột xuất, báo cáo theo chuyên đề về tình hình thi hành pháp luật.

Nội dung báo cáo theo yêu cầu của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền.

CHƯƠNG III

PHỐI HỢP, HUY ĐỘNG SỰ THAM GIA CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG HOẠT ĐỘNG THEO DÕI TÌNH HÌNH THI HÀNH PHÁP LUẬT

Điều 9. Phối hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong hệ thống cơ quan hành chính nhà nước

1. Các cơ quan hành chính nhà nước phối hợp thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật thông qua các hoạt động sau:

a) Cung cấp thông tin bằng văn bản, tài liệu có liên quan đến công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo yêu cầu của cơ quan chủ trì thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

b) Cử đại diện tham gia các hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật quy định tại Điều 12, Điều 13, Điều 14 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP và khoản 4, khoản 5 Điều 1 Nghị định số 32/2020/NĐ-CP theo đề nghị của cơ quan chủ trì thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

c) Các hoạt động phối hợp khác phù hợp quy định của pháp luật.

2. Căn cứ vào tình hình thực tiễn, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp xây dựng Quy chế phối hợp trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật của bộ, ngành, địa phương mình.

Nội dung của Quy chế phối hợp trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật xác định rõ các nguyên tắc, nội dung và hoạt động phối hợp; trách nhiệm phối hợp; quyền và nghĩa vụ của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp trong theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

Điều 10. Quy định về cộng tác viên theo dõi tình hình thi hành pháp luật

1. Cá nhân là chuyên gia, nhà khoa học được huy động tham gia hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo cơ chế cộng tác viên quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định 59/2012/NĐ-CP phải đáp ứng được các tiêu chuẩn sau đây:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; không phải là người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, người bị kỷ luật, người đang chấp hành hình phạt, đang bị quản chế hành chính.

b) Tốt nghiệp đại học chuyên ngành luật hoặc đại học chuyên ngành khác phù hợp với lĩnh vực theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

c) Có trình độ, kinh nghiệm công tác từ 03 năm trở lên trong lĩnh vực chuyên ngành phù hợp với công việc mà cơ quan theo dõi thi hành pháp luật yêu cầu.

2. Cơ quan nhà nước thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật có thể huy động sự tham gia của cộng tác viên trong các hoạt động sau đây:

a) Xây dựng mẫu phiếu khảo sát; xử lý kết quả điều tra, khảo sát; tổng hợp, phân tích, xây dựng báo cáo kết quả điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật và các hoạt động khác về điều tra, khảo sát.

b) Thu thập thông tin; rà soát, đối chiếu tính chính xác, phù hợp của thông tin; đưa ra những ý kiến nhận xét, đánh giá trong việc xử lý thông tin.

c) Xây dựng báo cáo kết quả xử lý thông tin. Báo cáo phải đưa ra nhận định, đánh giá khách quan, chính xác về tình hình thi hành pháp luật và đưa ra những kiến nghị phù hợp đối với thông tin thu thập được.

3. Ký hợp đồng với cộng tác viên

a) Cơ quan nhà nước thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật ký hợp đồng theo từng vụ việc cụ thể với những cá nhân có đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này.

Thù lao cho cộng tác viên theo quy định của pháp luật hiện hành. Việc chi trả thù lao cho cộng tác viên căn cứ vào các hoạt động, kết quả công việc mà cộng tác viên đã thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

b) Nội dung hợp đồng được ký giữa cơ quan nhà nước thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật và cộng tác viên tuân theo quy định của pháp luật về hợp đồng.

c) Cơ quan nhà nước thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật và cộng tác viên có trách nhiệm thanh lý hợp đồng cộng tác sau khi kết thúc công việc và làm các thủ tục thanh quyết toán theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2021.

2. Thông tư này bãi bỏ Chương 2, Chương 3 Thông tư số 14/2014/TT-BTP ngày 15 tháng 5 năm 2014 quy định chi tiết thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP về theo dõi thi hành pháp luật và khoản 2 Điều 2, khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 5 Thông tư số 16/2018/TT-BTP ngày 14 tháng 12 năm 2018 quy định chế độ báo cáo trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định của Thông tư này. /

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các Đoàn thể;
- Kiểm toán Nhà nước;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp;
- Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công báo;
- Website: Chính phủ, Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, QLXLVPHC.

 **BỘ TRƯỞNG**
ChomMe
Lê Thành Long

Phụ lục I - Mẫu đề cương báo cáo¹

CƠ QUAN²

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BC-.....³

.....⁴, ngày tháng năm

BÁO CÁO

Công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật⁵

Thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật hàng năm,⁶
báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THEO DÕI TÌNH HÌNH THI HÀNH PHÁP LUẬT⁷

1. Những ưu điểm và kết quả đạt được

1.1. Về việc xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật

- Việc ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật (ghi rõ tên, số ký hiệu, ngày tháng ban hành của văn bản);
- Việc hướng dẫn, đôn đốc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật (ghi rõ tên, số ký hiệu, ngày tháng ban hành của văn bản);
- Việc kiểm tra tình hình thi hành pháp luật (ghi rõ số lượng cuộc kiểm tra; thời gian, địa điểm tiến hành kiểm tra tình hình thi hành pháp luật);
- Việc điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật (ghi rõ số lượng cuộc điều tra, khảo sát; thời gian, địa điểm tiến hành điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật);
- Việc xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật (số lượng vụ việc, vấn đề xử lý theo thẩm quyền và kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý từ kết quả kiểm tra, điều tra, khảo sát và thu thập thông tin);
- Việc thực hiện chế độ báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

¹ Mẫu này dùng cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp tổng hợp, cung cấp số liệu về theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ, ngành và địa phương.

² Tên của cơ quan lập báo cáo.

³ Chữ viết tắt tên của cơ quan lập báo cáo.

⁴ Địa danh ghi theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản.

⁵ Năm thực hiện báo cáo hoặc lĩnh vực cụ thể.

⁶ Tên của cơ quan lập báo cáo.

⁷ Năm thực hiện báo cáo hoặc lĩnh vực cụ thể.

1.2. Về các điều kiện bảo đảm cho công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật

- Tổ chức bộ máy, biên chế, kinh phí, cơ sở vật chất bảo đảm thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật;
- Công tác phổ biến, tập huấn, hướng dẫn về nghiệp vụ theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

2.1. Về việc xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật

2.2. Về các điều kiện bảo đảm cho công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật

II. KẾT QUẢ THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THI HÀNH PHÁP LUẬT...⁸

1. Việc ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm pháp luật về⁹

- Nêu tên, số lượng văn bản quy định chi tiết đã được ban hành theo thẩm quyền;
- Đánh giá tính kịp thời, đầy đủ của việc ban hành văn bản quy định chi tiết và tính thống nhất, đồng bộ, khả thi của văn bản quy định chi tiết.

2. Việc bảo đảm các điều kiện cho thi hành pháp luật về¹⁰

- Nêu các hoạt động đã thực hiện (tập huấn, phổ biến, kiện toàn tổ chức bộ máy, nguồn nhân lực thi hành pháp luật, kinh phí, cơ sở vật chất cho thi hành pháp luật);
- Đánh giá về tính kịp thời, đầy đủ của công tác tập huấn, phổ biến pháp luật; tính phù hợp về tổ chức bộ máy, mức độ đáp ứng nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, kinh phí cho thi hành pháp luật.

3. Việc tuân thủ pháp luật về ...¹¹

- a) Tình hình tuân thủ pháp luật của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền
 - Nêu các hoạt động thi hành pháp luật đã thực hiện của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền (trong hướng dẫn áp dụng pháp luật và trong áp

⁸ Trong năm thực hiện báo cáo hoặc trong lĩnh vực cụ thể.

⁹ Lĩnh vực trọng tâm liên ngành/lĩnh vực cụ thể.

¹⁰ Lĩnh vực trọng tâm liên ngành/lĩnh vực cụ thể.

¹¹ Lĩnh vực trọng tâm liên ngành/lĩnh vực cụ thể.

dụng pháp luật, trong giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị, khởi kiện hành chính);

- Đánh giá tính kịp thời, đầy đủ trong thi hành pháp luật của cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền; tính chính xác, thống nhất trong hướng dẫn áp dụng pháp luật và trong áp dụng pháp luật của cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền.

b) Tình hình tuân thủ pháp luật của tổ chức, cá nhân

- Nêu số lượng vụ việc vi phạm pháp luật thuộc lĩnh vực theo dõi (vi phạm hình sự, hành chính, dân sự, kỷ luật);

- Đánh giá mức độ tuân thủ pháp luật của tổ chức, cá nhân.

4. Nhận định chung về kết quả theo dõi, đánh giá tình hình thi hành pháp luật

Nêu nhận định về tác động của việc thi hành các quy định pháp luật đối với đời sống kinh tế, xã hội (tác động tích cực, tác động tiêu cực).

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Về các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác theo dõi thi hành pháp luật

- Đối với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;
- Đối với các Bộ, ngành, địa phương.

2. Về các giải pháp nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật trong lĩnh vực ...¹²

- Đối với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;
- Đối với các bộ, ngành và địa phương.

Nơi nhận:

-¹³
- Lưu: VT,

.....¹⁴

¹² Lĩnh vực trọng tâm liên ngành/lĩnh vực cụ thể

¹³ Tên của cơ quan nhận báo cáo.

¹⁴ Quyền hạn và chức vụ của người ký báo cáo.

Phụ lục II - Mẫu Đề cương báo cáo¹

CƠ QUAN²

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BC-.....³

.....⁴, ngày tháng năm

BÁO CÁO

Tình hình xử lý các kiến nghị về việc sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật của....⁵

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật...⁶ tại⁷,⁸ báo cáo tình hình sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật như sau:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN

1. Các kiến nghị đã được xử lý

Liệt kê cụ thể các kiến nghị đã được xử lý, hình thức xử lý.

2. Các kiến nghị chưa được xử lý hoặc chưa xử lý xong

2.1. Kiến nghị⁹

a) Tiến độ xử lý (nêu rõ tình trạng đang xem xét xử lý, đang soạn thảo, thẩm định, thẩm tra, đã trình)

b) Khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

c) Giải pháp

2.2. Kiến nghị¹⁰

.....

¹ Mẫu này dùng cho bộ, ngành, địa phương báo cáo kết quả thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về tình hình xử lý các kiến nghị về việc sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật nêu tại Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật hằng năm do Bộ Tư pháp gửi Thủ tướng Chính phủ.

² Tên của cơ quan lập báo cáo.

³ Chữ viết tắt tên của cơ quan lập báo cáo.

⁴ Địa danh ghi theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản.

⁵ Tên cơ quan lập báo cáo

⁶ Năm báo cáo

⁷ Nêu tên, trích yếu văn bản chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

⁸ Tên của cơ quan lập báo cáo.

⁹ Nêu rõ nội dung/tên kiến nghị cụ thể

¹⁰ Nêu rõ nội dung/tên kiến nghị cụ thể. Báo cáo theo các nội dung như mục 2.1 của Đề cương báo cáo.

II. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT (nếu có)

Nơi nhận:¹²

-¹¹

- Lưu: VT,

¹¹ Tên của cơ quan nhận báo cáo.

¹² Quyền hạn và chức vụ của người ký báo cáo.